

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-5-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.**Bà Quách Thị Thu Hương.

2.Ông Nguyễn Thanh Nhân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Huỳnh Bích N, sinh năm: 1987; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Quang N, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Bích N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh N trước đây đã ly hôn đến năm 2018 anh chị về chung sống lại và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận. Chung sống không được bao lâu thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ năm 2019. Nay xét thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn nên không thể tiếp tục chung sống vì vậy chị N xin được ly hôn với anh Lê Quang N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có được 01 đứa con

chung tên là Lê Huỳnh Tổ A sinh ngày 01/4/2012, giới tính nữ, hiện nay con đang chung sống với anh N. Khi ly hôn chị N đồng ý giao con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

* *Tại biên bản đề ngày 26/4/2021 anh Lê Quang N có ý kiến*: Con chung hiện nay đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng và anh tiếp tục nuôi dưỡng khi ly hôn, anh không có yêu cầu gì. Anh N và chị N không xảy ra mâu thuẫn gì, chị N hết lần này đến lần khác quấy rối tự ý bỏ ra đi. Nay chị N muốn làm gì thì làm anh không biết và không có ý kiến, Tòa án mời anh không dự, cũng không nhận bất cứ giấy tờ gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Bị đơn vi phạm Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh N. Về con chung, đề nghị giao cháu Lê Huỳnh Tổ N, giới tính nữ, sinh ngày 01/4/2012 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Lê Quang N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

Nguyên đơn chị N yêu cầu ly hôn với bị đơn anh N và có yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N xác lập quan hệ hôn nhân năm 2018, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn và anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị N cương quyết yêu cầu ly hôn và anh N không có nguyện vọng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh N.

[2.2] Về con chung: Theo lời trình bày của chị N, anh N và theo giấy khai sinh có cơ sở xác định trong thời gian chung sống, anh N và chị N có 01 người con chung tên Lê Huỳnh Tố A, giới tính nữ, sinh ngày 01/4/2012; hiện con đang sống chung với anh N, anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh N là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận anh N đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con, mặc khác cháu Tố A cũng có nguyện vọng được sống chung với cha và chị N cũng thống nhất giao con cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 (*quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2014, Ghi nhận sự thỏa thuận của anh N, chị N giao cháu Lê Huỳnh Tố A, giới tính nữ, sinh ngày 01/4/2012 cho anh Lê Quang N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn*: Anh N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh N và chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]*Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị Huỳnh Bích N chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1-Về hôn nhân: Chị Huỳnh Bích N được ly hôn với anh Lê Quang N.

2-Về con chung: Giao cháu Lê Huỳnh Tố A, giới tính nữ, sinh ngày 01/4/2012 cho anh Lê Quang N tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Như được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*).

3-Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4-Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Bích N chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0004016 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5-Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2021); bị đơn anh Lê Quang N vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Mỹ Vinh
(Đã ký)**